

Chữ Nghĩa Làng Văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích.

Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải
Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Viết và nói tiếng Việt

Giáo sư Cao Xuân Hạo là nhà ngữ học ở Hà Nội đã viết nhiều bài về tình trạng “Viết và nói tiếng Việt”. Tiếng Việt và tiếng “Hán-Việt” bị sử dụng sai nghĩa, sai ngữ pháp như: *Đào ngũ*: Từ này vốn không có, mà do đọc sai từ *đào ngũ*, nghĩa là bỏ trốn khỏi quân đội trong khi đang tại ngũ. Cho đến nay, vẫn còn nhiều người mắc lỗi thô thiển này.

Thực sự - thực thụ:

Thực sự có nghĩa là đích thị như vậy, không phải là giả.

Thực thụ nghĩa là đã chính thức nhận cương vị, nhiệm vụ hay chức trách của mình, không còn là tạm thời nữa. Một giám đốc thực thụ là một giám đốc đã chính thức nhậm chức.

Không ít người thường dùng từ *thực thụ* theo nghĩa *thực sự*.

Tục ngữ Tàu

Thượng sàng phu thê, hạ sàng quân tử

(Lên giường là vợ chồng, xuống giường là quân tử)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

Cội nguồn tiếng Việt

Trong ngôn ngữ thì mỗi tiếng phải có một nguồn gốc nào đó mà sinh ra... Vì vậy ta cần phải phân biệt rõ nguồn gốc của từng tiếng một nếu có thể được mà ta gọi là etymon (ý nghĩa lúc đầu).

Thí dụ tại sao ta lại nói:

“Đau *đớn*” với *đớn* là gì?

“Đẹp *đẽ*” thì *đẽ* là gì?

“Bên *lẽn*” với *lẽn* là chi?

Thật ra khi ta nói tiếng của ông bà ta để lại, ta không hiểu gì cả! Mà ông bà ta khi xưa, họ nói họ có hiểu không? Xin thưa ngay là các cụ hiểu tất. Bằng chứng là hiện nay có rất nhiều tiếng nói cùng một gia đình ngôn ngữ với ta, ở xung quanh tiếng Việt, như tiếng Khmer, Lào, Thái, Chàm, Miến Điện, Indonesia...v..v.. Họ nói tiếng nào là họ hiểu ngay ý nghĩa của tiếng đó, còn ta thì không!

(Nguyễn Hy Vọng – Tiếng Việt là linh hồn của người Việt)

Chén quan hà

“Quan hà”: quan là cửa ải, hà là sông.

“Chén *quan hà*” nghĩa chén rượu tiễn qua *quan* ải và *sông*.

Chữ nghĩa làng văn

Gà *qué*: qué là tiếng cổ.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

*Ta về ta tắm ao ta
Dù trong dù đục vẫn là... cái ao*

Văn học cổ

Văn học cổ viết bằng tiếng Hán: *Kiến văn tiểu lục* (Lê Quý Đôn), *Vũ trung tùy bút* (Phạm Đình Hồ), *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn), *Hịch tướng sĩ* (Trần Hưng Đạo), *Bình ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi) *Văn tế trận vong tướng sĩ* (Nguyễn Văn Thành).

Văn học cổ bằng tiếng Nôm: *Đoạn trường tân thanh* (Nguyễn Du), *Hoa tiên* (Nguyễn Huy Tụ), *Nhị độ mai* (Khuyết danh), *Bích câu kỳ ngộ* (Vũ Quốc Trân), *Lục ván Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu).
(Tạ Quang Khôi – tạp chí Tân Văn)

Ca dao trữ tình

*Chuối khoe chuối hãy còn trinh
Chuối ở một mình sao chuối có con?*

Chữ nghĩa khó khăn

Hỏi : “**Tử sĩ** sờ đầu rùa, đi lễ để cầu may” là họ đi coi bói ở Văn Miếu lấy hên phải hôn? Ai biết làm ơn chỉ dùm nghen.

Đáp : “**Sĩ tử** sờ đầu rùa...” cha nội.

Hiểu rồi, cảm ơn vì *sĩ* là sĩ diện. Còn *tử* là thừa chết thối sống.

Sĩ tử chỉ vì sĩ diện mà nhào dzô thi đại! Để ẹc....

(Trau giồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Giấc Nam Kha

Giấc Nam Kha kể chuyện Lý Công Tá cũng người đời Đường. Trong lúc say rượu ngủ mơ thấy mình đậu cao, được vua gả công chúa cho. Lại được làm thái thú đất Nam Kha. Lúc tỉnh dậy thấy ổ kiến dưới gốc cây hòe. Bèn nghĩ tổ kiến chính là đất Nam Kha.

Giấc phù sinh Nam Kha còn gọi là giấc hòe.

Trong dân gian người Việt cũng có chuyện tương tự như Lý Công Tá nằm mơ rồi làm quan, giàu sang phú quý. Ấy là ông Trạng Lợn.

Truyện cực ngắn - Tiếng ve

Tôi đã sống qua bao mùa hạ, vẫn không hiểu được tiếng ve kêu.

Chữ nghĩa thập niên 20

Xuân mộng – Nói về giấc mộng diễm tình vào mùa xuân. Đường thi có câu “*Xuân tiêu nhất khắc tri, thiên kim*”, nghĩa là đêm xuân một khắc đáng giá ngàn vàng

Xuân mộng còn dùng lẫn nghĩa với chữ “*xuân mộng bà*” như giấc mộng hoàng lương. Một hôm, ông Tô Thức đi thăm đồng, gặp một bà lão trên 70 tuổi ở ngoài ruộng. Bà nói rằng: bao nhiêu công danh của cụ trước, có phải nay xem như giấc *xuân mộng* chẳng?

Ông bảo: phải lắm. Từ đó người ta gọi bà ấy là “*Xuân mộng bà*”.

(Tôn Thất Lương – Xuân Mộng)

Giai thoại làng văn

Chính nhờ được gần gũi các cụ, tôi (Vũ Bằng) học thêm được ít chữ nho trong thời đó. Nói là học chữ nho cho oai, chớ thực ra bao nhiêu chữ học được lúc lên 10, 11 tuổi, tôi đã trả lại hết cho các bậc thánh hiền ngay khi cấp sách học “*a b c dất dê đi ã*”.

Học chữ nho là tôi muốn nói học mót chữ nho, những chữ học dờ da dờ dẩn, hoặc nghe lỏm được, mà suốt đời tôi không quên:

- Đại khái như chữ “*kích thích*”, cụ Sở Bảo chữa là “*khích thích*”.

- Nói *ảo mộng* là sai, chính ra phải nói là “*huyễn mộng*”.

- Chia buồn với nhà người ta có đàn bà qua đời thì phải viết “Xin cầu chúc cho **“*hương hồn*”** bà (hay cụ) phiêu diêu nơi cực lạc”.

- Nhưng nếu là đàn ông mà viết như thế, người ta cười cho thối óc, phải viết là “cầu chúc cho **“*anh hồn*”** ông (hay cụ) phiêu diêu nơi cực lạc”.... mới đúng.

Có một chữ mà cụ Tú Nguyễn Đỗ Mục bảo tôi, nhưng đến bây giờ tôi vẫn bán tín bán nghi, không biết sai hay đúng. Chữ đó là *công nhận*. Theo cụ Tú Mục, **“*một người*”** chỉ có thể nói là *nhận*, *thừa nhận*, và chỉ khi nào có **“*nhiều người*”** mới có thể dùng chữ công nhận mà thôi, ý giả muốn hiểu rằng chữ **“*công*”** đây chỉ một **“*số đông*”**.

Nhưng người khác cho rằng nói như thế là hiểu sai chữ công, công nhận cũng như công tâm, công bằng; công nhận tức là nhận **“*một cách thực tâm*”**, nhận một cách đầy thiện ý.

Đại khái, tôi học lỏm chữ nho của các cụ như thế đó.

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

Giàu sang, tế nhị

Tôi cảm thấy thấm thía cái giàu sang, cái tế nhị của tiếng Việt:

- Tôi **“*chẳng*”** cần! (có thể cần, mà không cần),

- Tôi **“*bất*”** cần! (không thêm cần tới).

Chúng ta đã mượn chữ Tàu để Việt hóa chữ đó để thổi vào chữ đó một sắc thái khác. Nói tóm lại, chúng ta đã đồng hóa những chữ ngoại lai để phong phú hóa tiếng Việt.

Nói về tế nhị, trong văn chương thế giới hình như không nước nào có được chữ “ai” của ta. Và “nghìn” và “ngàn”: “*nghìn*” như *đi vào* **“*chiều sâu*”**, “*ngàn*” như *tỏa ra* **“*chiều rộng*”**.

G.Meillon người Pháp cho rằng tiếng Việt là thứ tiếng vừa văn chương vừa giàu nhạc điệu nhất thế giới. Một người Pháp có nói rằng chỉ cần nghe câu đầu bản dịch bài *Ti Bà Hành* cũng đủ biết là đôi bạn đã tiễn đưa nhau tại một bến sông, ta cứ việc theo nhịp điệu xô dồn của câu thơ mà vẽ thành hình ảnh chiếc thuyền bằng... âm thanh.

(Doãn Quốc Sỹ - Người Việt đáng yêu)

Gạch ngang giữa hai chữ kép

Trước kia các nhà văn, như trong nhóm “Tự Lực Văn Đoàn” đều viết có gạch ngang (-) danh từ kép, ví dụ : tiên-nhân, dân-quốc...

Hiện tại, cũng những danh từ kép đó, mà lại các nhà văn viết không có gạch ngang.

Xin hỏi:

Tại làm sao có những thay đổi gạch ngang như vậy? Và sự thay đổi đó phát hiện ra lúc nào? (vào khoảng năm nào?).

Ai hiểu rõ, xin chỉ giáo dùm. Cám ơn trước.

Đáp : Gạch ngang chứ không phải là gạch...ngan!
(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Giai thoại làng văn

Tôi đến thăm Nguyễn Hồng ở nhà. Ông nói: “*Chỗ này giống hết như nơi ngày xưa tôi viết Bỉ vỏ.* Chỗ viết *Bỉ vỏ* như thế nào?

- Đây, ông viết trong lời *Tựa* : “*Bỉ vỏ đã viết xong trên một cái bàn kê bên khung cửa trông ra vũng nước đen ngầu bọt của một bãi đất lấp dờ dang và một chuồng lợn ngập ngựa phân tro. Bỉ vỏ đã viết xong trong một căn nhà cứ đến chập tối là ran lên tiếng muỗi và tiếng trẻ con khóc...*”.

Có lẽ số Nguyễn Hồng thế thật. Sống cũng khổ, chết cũng khổ. Khi Nguyễn Hồng chết, nhà còn có năm bơ gạo, một con gà nhỏ. Trong túi còn đúng 20 đồng. Hàng xóm cho vay cổ quan tài. Nguyễn Ngọc báo anh em lên đưa ma, nói, Nguyễn Hồng nghèo lắm đấy, không có gì thết đãi đâu.

Chưa làm điều vẫn vội, Nguyễn Ngọc trước lo chạy lên tỉnh, lên huyện, lên đảng uỷ xã bàn với họ cho tiền, cho lợn, cho gạo để làm ma. Hôm đưa ma Nguyễn Hồng, tôi không lên được. Ngô Thảo có tả quang cảnh đám ma thật là tội nghiệp:

Xe tang từ trên đồi đi xuống dốc, phải hò nhau đẩy trở lại làm phanh. Phờng kèn toàn là thương binh cụt tay cụt chân...Phải là thương binh mới được vào hội kèn, ăn công điểm của hợp tác xã.
(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

Sinh làm thế kỷ

Câu “*sinh làm thế kỷ*” ngoài trong thơ Vũ Hoàng Chương, còn thấy trong bài viết *Chén rượu vĩnh biệt* khi Nguyễn Tuân nói chuyện với Tân Đà: “*Tiên sinh...sinh làm thế kỷ.*”

Cội nguồn tiếng Việt

Cách đây hai năm, trong một cuộc phỏng vấn của báo Tuổi Trẻ, họ bảo tôi (Nguyễn Hy Vọng) về dạy chữ Tàu cho học trò trung học ở bên ấy để hiểu thêm tiếng Việt!.

Tôi bảo họ: “*Cũng được thôi, học được cái gì hay cái ấy, nhưng phải hiểu rằng, các anh học tiếng Tàu mười đời đi nữa thì chỉ biết tiếng Tàu thôi. Còn tiếng Việt thì khác vì giữa tiếng Việt và tiếng Tàu khác nhau như con quạ với con sáo.*”

Họ không hiểu và muốn tôi đưa ra một vài thí dụ thì tôi bảo:

“*Có ngay, tôi chấp một ngàn triệu người Tàu và mấy trăm ông học giả Hán Việt ở bên đó là sau khi học tiếng Tàu đến bạc đầu có hiểu được “sạch sẽ” với sẽ là gì không, “xuề xòa” với xòa là gì không, “lôi thôi” với thôi là gì không?*.

Nếu ai, nếu nhờ học thêm tiếng Tàu mà hiểu nghĩa được mấy ngàn tiếng Việt thì tôi sẽ xin đi đầu xuống đất ngay”.

Họ thôi không đòi..”hiểu” nữa, và cái đầu tôi vẫn còn nhìn lên trời.

(Nguyễn Hy Vọng – Tiếng Việt là linh hồn của người Việt)

Chữ nôm

Cái ý mượn chữ Hán để viết tiếng Việt rất có thể xưa hơn Bồ Cái Đại Vương nhiều, chẳng hạn ngay từ đầu thời Bắc thuộc. Nhưng trong hoàn cảnh đất nước bị ngoại nhân cai trị, làm sao nó phát triển được? Nếu ta không giành lại được độc lập, rồi cục ngay chính cái tiếng nói của ta cũng phải mất, nói chi đến một cái cách viết. Trong tư cách một phát minh, chữ nôm thật khó ca ngợi. Tuy vậy, đối với văn học Việt Nam nó vẫn có công to. Có nó chắc chắn vẫn hơn không! Chữ nôm là thứ chữ hoặc dùng nguyên hình chữ nho hoặc lấy hai ba chữ nho ghép lại, để viết tiếng Nam.

Chữ nôm đặt ra tự bao giờ và do ai đặt ra, đó là một vấn đề còn trong nghi vấn. Nhiều người thấy sử chép: Hàn Thuyên là người bắt đầu biết làm thơ phú bằng quốc âm, vội cho rằng chữ nôm cũng đặt ra từ đời ông, nghĩa là vào thế kỷ thứ XIII đời nhà Trần.

Đó là một sự sai lầm, vì sử không hề nói ông đặt ra chữ nôm.

Hiện nay, gốc tích chữ nôm, chỉ có hai điều sau này là xác thực:

1. Theo sử chép, cuối thế kỷ thứ VIII (năm 791), Phùng Hưng được dân tôn lên là "Bố Cái đại vương". Hai chữ *Bố Cái* là tiếng Nam thuần túy.
2. Người ta đã tìm thấy ở Hộ Thành Sơn thuộc tỉnh Ninh Bình một tấm bia đề năm 1343 có khắc hai mươi tên làng bằng chữ Nôm.

(Dương Quảng Hàm - Việt Nam văn học sử yếu)

Mưa phùn, mưa bụi

Một đài phát thanh nói về thời tiết như sau: "Cuối tháng 6 nam Ca li có mưa phùn lất phất".

Mưa phùn là mưa cuối đông sang xuân như gió bắc mưa phùn.

Còn cuối xuân sang hè mưa nhẹ hạt và dày gọi là *mưa bụi*.

(Hiếu Thiện Nguyễn Chu Hậu – Tiếng Việt, tiếng nước tôi)

Thơ ta, thơ Tàu

Bài *Trăng nước Hồ Tây* của Dương Khuê có những câu:

Phát phơ ngọn trúc *trăng tà*
Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương
Mịt mù khói sóng ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ

Bài thơ trên đã chịu ảnh hưởng bài *Phong Kiều Dạ Bạc* của Trương Kế:

Nguyệt lạc, ô đê, sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Cả hai bài thơ tức cảnh sông hồ, một phương Bắc, một phương Nam, một Ta, một Tàu, vô hình chung cùng âm hưởng, âm điệu, đôi cảnh đối chữ như: *trăng tà* với *nguyệt lạc*, qua *canh gà* với *ô đê*, đến *tiếng chuông* với *chung thanh*. Âm hưởng, âm điệu thì đối *mịt mù khói sóng* với *giang phong ngư hỏa*. Về tác động địa danh thì: *Thọ Xương - Cô Tô* tới *Trấn Võ - Hàn San*.

(Trương Quang – báo Ngày Nay)

Giá sách cũ thập niên 20

Những nhật báo và tạp chí vào thập niên 20 và 40 là:

Gia Định Báo (Trương Vĩnh Ký 1869), Nông Cổ Mín Đàm 1900,
Nam Phong Tạp Chí (Phạm Quỳnh 1917),
Đông Dương Tạp Chí 1913,
An Nam Nouveau,
Trung Bắc Tân Văn, Đại Nam
Đồng Văn Nhật Báo,
Đăng Cổ Tùng Báo 1909,
Lục Tỉnh Tân Văn và Trung Bắc (Nguyễn Văn Vĩnh),
Văn Học Tạp Chí (Dương Bá Trác),
Hồn Nước Nam và Duy Tân (Lãng Nhân Phùng Tất Đắc),
An Nam Tân Văn (Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu - bí danh Nguyễn Khắc Khừ),
Đông Tây (Phùng Tất Đắc),
Nông Công Thương (Phạm Chân Hưng),
Đông Pháp (Ngô Văn Phú & Hoàng Hữu Huy),
Trung Bắc và Trung Bắc Chủ Nhật (Nguyễn Văn Luận),

Tiếng Dân (Huỳnh Thúc Kháng),
Đồng Minh (Nguyễn Hải Thần), v..v..
Dân Mới (Chu Mậu) - Nhật Tân (Đỗ Văn Mặc),
Thực Nghiệp (Mai Du Lâm),
Duy Tân (Nguyễn Đình Thấu),
Khai Hóa (Bạch Thái Bưởi),
Nông Công Thương (Phạm Chân Hưng),
Ngọ Báo, Việt Báo (Bùi Xuân Học),
Công Dân (Tiết Như Ngọc),
Tân Xã Hội (Trần Đình Long),
Vật Đực (Tam Lang Vũ Đình Chí),
Tân Thiếu Niên (Trần Tấn Thọ), Ích Hữu, Truyền Bá,
Phổ Thông Bán Nguyệt San & Tiểu Thuyết Thứ Bảy (Vũ Đình Long),
Báo Mới & Trung Bắc Chủ Nhật (Phạm Lê Bổng),
Bình Minh (Nguyễn Giang & Phan Quang Đán),
Việt Nam (Trần Văn Tuyên),
Tân Thiếu Niên (Trần Tấn Thọ),
Tiểu Thuyết Thứ Năm,
Hà Nội Báo (Lê Tràng Kiêu),
Hữu Thanh, Nhật Tân, Tương Lai, Phụ Nữ Tân Văn, Việt Nữ...
(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

Tiếng Việt vừa dễ vừa không dễ

Hỏi : Minh Châu thường nghe nói như sau: Hai mươi năm (25) hay mười lăm (15).
Vậy khi thấy con số 55, Minh Châu đọc là **nhăm mươi nhăm** thì có đúng không? Hay phải đọc là năm mươi
lăm...? Con số 5 đứng một mình, tại sao không đọc là số nhăm? Thuốc lá 555 chẳng lẽ đọc là nhăm trăm
nhăm mươi nhăm sao? Chỉ con số 5 thôi mà khó hiểu quá đi, thân mến.

Đáp : Chỉ có 1 vài địa phương ở Bắc mới đọc là “*nhăm*” .
Từ hàng chục trở lên chỉ có số 5 cuối đọc là “*lăm*” hay “*nhăm*”

5 = năm

15 = mười lăm

x5 = hai mươi nhăm , ba mươi nhăm...chín mươi nhăm

555 = như thuốc lá 3 số 5

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

Mai tứ quý

Ở miền Nam có mai tứ quý, còn có tên khác là **mai Trường An**.

Tích Lục Khải làm quan ở Giang Nam, nhân lính trạm mang thư tín về Trường An, ông bẻ một cành mai mang
về cho bạn là Phạm Việt và đề thơ “*Giang Nam vô sở hữu – Liễu tặng nhất chi mai*”.